

Bản án số: 126/2026/HS-ST
Ngày 12-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Hoàng Xuân Tín

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Phạm Thị Thuý Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Đào Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Phùng Thị S, sinh ngày 17/7/1969 tại Hải Phòng; số CCCD: 031169001283; nơi thường trú: Thôn A C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Quản lý Công ty T4; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn S1 (đã chết) và bà Đặng Thị M (đã chết), có chồng là Nguyễn Văn N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2025 đến ngày 13/11/2025 được thay thế bởi biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”; có mặt.

2. Nguyễn Hồng H, sinh ngày 02/6/1990 tại Hải Phòng; số CCCD: 031190009526; nơi thường trú: Tổ D, phường T, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: thôn F C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Kế toán Công ty T4; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị N1 (đã chết); có chồng là Tạ Xuân T và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2025 đến ngày 13/11/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Công ty TNHH Đ: Ông Phạm Thái Nam S2 – đại diện theo uỷ quyền của Công ty; có mặt;

+ Công ty TNHH D và Tổ C: Ông Nguyễn Hữu S3 – đại diện theo uỷ quyền của Công ty; có mặt;

+ Công ty cổ phần Đ1; Bà Ngô Thị Thúy N2 – đại diện theo uỷ quyền của Công ty; có mặt;

+ Nguyễn Văn C; Nguyễn Văn T1; Vũ Thị Hoài T2; Công ty TNHH D1; CP du lịch và thương mại V – Chi nhánh V1; Công ty V2 Chi nhánh H1; Công ty TNHH T5 mới; Công ty L – Tổng Công ty D2; Công ty TNHH K; Công ty CP D3; Công ty TNHH MTV Đ2; Công ty TNHH S5; Công ty CP Đ1; Công ty TNHH MTV D4; Công ty CP T6; Công ty TNHH L1; Công ty cổ phần D5; Công ty TNHH T7; Công ty TNHH D6; Công ty TNHH Đ3; Công đoàn tổng công ty C1; Công ty TNHH T8; Công ty TNHH D7; Công ty cổ phần Đ4; Chi nhánh công ty TNHH P; Công ty cổ phần Đ1; Công ty cổ phần T9; Công ty TNHH Đ1; Công ty TNHH D8; Công ty TNHH T10; Công ty TNHH Đ3; Công ty TNHH Đ3; Công ty TNHH V3; Công ty TNHH L2; Công ty cổ phần V4; Công ty TNHH P1; Công ty TNHH Đ3; Công ty TNHH S6; Công ty TNHH Đ3; Công ty cổ phần D9; Công ty cổ phần D10; Công ty cổ phần T9; Công ty TNHH Đ1; Công ty cổ phần C2; Công ty TNHH D11; Chi nhánh công ty TNHH A thành viên dịch vụ lữ hành SAIGONTOURIST tại Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH T4 (*viết tắt là Công ty T4*) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 0200872311 ngày 17/01/2009 của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố H (*nay là Sở Tài chính thành phố H*), có trụ sở tại: Số C, tổ A, khu D, thị trấn C, huyện C (*nay là Tổ dân phố A, Đặc khu C*), thành phố Hải Phòng do Nguyễn Văn N, sinh năm: 1967, trú tại: Số C, tổ A đường N, đặc khu C, thành phố Hải Phòng làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty là Phùng Thị S (*vợ N*) góp vốn số tiền 11 tỷ đồng, chiếm 50% vốn điều lệ. Công ty T4 hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lưu trú, nhà hàng Ă.

Từ đầu năm 2022 đến tháng 8/2025, Nguyễn Văn N bàn giao toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành, kinh doanh của Công ty T4 cho Phùng Thị S. Quá trình kinh doanh, nhiều đoàn khách thuê dịch vụ lưu trú, ăn uống tại khách sạn T11 trao đổi với S về việc mua và nâng không tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT). Phùng Thị S đồng ý và chỉ đạo Nguyễn Hồng H- Kế toán xuất hóa đơn GTGT của Công ty T4 theo đề nghị của khách hàng, thu tiền mua và nâng không với giá từ 8% – 15% giá trị tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế. Sau khi khách hàng thanh toán, chuyển khoản vào tài khoản 2108201000655 mở tại Ngân hàng

A1 của Công ty T4, Sấu rút tiền mặt và chuyển khoản trả lại khách hàng bằng hình thức tự chuyển khoản hoặc chuyển vào tài khoản của H để H chuyển khoản trả cho khách sau khi trừ đi tiền mua hóa đơn trái phép. Ngoài ra, S còn sử dụng tài khoản cá nhân số 2453384409 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á để thanh toán trả lại tiền (đảo tiền) cho những khách hàng mua hóa đơn, kênh giá hóa đơn GTGT. Đối với khách hàng mua hóa đơn GTGT không có thể đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản cho H, H chuyển khoản cho S hoặc chi phí vào việc chung của Công ty theo chỉ đạo của S.

Từ năm 2022 đến tháng 8/2025, Phùng Thị S đã chỉ đạo Nguyễn Hồng H sử dụng Công ty T4 xuất bán trái phép 04 số hóa đơn cho 02 doanh nghiệp (*Công ty TNHH MTV Đ2 và Công ty cổ phần D12*) với tổng doanh số ghi không trên hóa đơn chưa có thuế là: 30.780.000 đồng, tiền thuế 2.610.400 đồng. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn (*đã bao gồm thuế VAT*) là: 33.390.400 đồng, số tiền thu được do bán trái phép hóa đơn là: 3.900.753 đồng, số tiền trả lại cho khách hàng là: 29.489.647 đồng.

Đối với 45 khách hàng (*trong đó có Công ty cổ phần D12*) là các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh, thành toàn quốc có sử dụng dịch vụ tại công ty T4 và đề nghị nâng không doanh số ghi trên 86 số hóa đơn GTGT với tổng doanh số (*đã có VAT*) là: 9.067.027.622,21 đồng, S và H đã thu lợi số tiền: 96.026.628 đồng, trả lại cho khách 791.955.272 đồng.

Kết luận giám định số 1367 ngày 06/4/2026 của Phòng K1 Công an thành phố H đối với Case máy tính nhãn hiệu KENOO thu tại khách sạn T11, kết luận: Trong ổ cứng nhãn hiệu LEXAR bên trên có in dãy số S/N: NMB321R0030590S303 chứa 5893 tập tin tài liệu, 14196 tập tin hình ảnh là các bảng kê file excel chứa thông tin liên quan đến việc nâng không, mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (Bút lục số 11).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Đối với các hóa đơn GTGT cùng tài liệu liên quan tiếp tục lưu hồ sơ vụ án; đối với Case máy tính nhãn hiệu KENOO thu tại khách sạn T11, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax thu giữ của Nguyễn Hồng H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax thu giữ của Phùng Thị S hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đang quản lý và số tiền 100.000.000 đồng gia đình các bị cáo đã tự nguyện nộp thay vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H (*số tiền thu lợi bất chính là 99.927.381 đồng*) **đang được quản lý tại số tài khoản 39490904340200000 của Phòng CSĐTTP về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu môi trường – Công an thành phố H tại Kho bạc Nhà nước thành phố H.**

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Phùng Thị S, Nguyễn Hồng H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người đã mua hóa đơn GTGT của Công ty T4, và các tài liệu chứng cứ khác (Bút lục số: 71-111, 1013- 15182, 1588, 1589- 1713, 1714- 1720, 1724-2022, 5121-5138, 5150-5239).

Tại Bản Cáo trạng số 140/CT-VKSHP-P1 ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Phùng Thị S, Nguyễn Hồng H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phùng Thị S và bị cáo Nguyễn Hồng H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Các bị cáo đề nghị xin được áp dụng hình phạt tiền, các bị cáo có đủ điều kiện thi hành và đã nộp tiền vào cơ quan thi hành án để chứng minh khả năng thi hành án của mình. Trong đó bị cáo S đã nộp số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002320 ngày 08/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; bị cáo H đã nộp số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002321 ngày 08/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phùng Thị S phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, phạt tiền bị cáo từ 220.000.000 đồng – 250.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng H phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, phạt tiền bị cáo từ 200.000.000 đồng – 220.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định pháp luật.

Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo; lời khai của những người làm chứng tại giai đoạn điều tra, phù hợp kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2022 đến tháng 8/2025, tại Đặc khu C, thành phố Hải Phòng, Phùng Thị S đã chỉ đạo Nguyễn Hồng H- Kế toán, sử dụng Công ty T4 bán trái phép 04 hóa đơn giá trị gia tăng và nâng không giá trị hàng hóa, dịch vụ đối với 86 số hóa đơn giá trị gia tăng với tổng doanh số là: 9.100.418.022,21 đồng (đã có VAT) cho 46 Công ty trên cả nước, thu lợi bất chính số tiền: 99.927.381 đồng.

Do đó đủ căn cứ xác định hành vi nêu trên của bị cáo Phùng Thị S và Nguyễn Hồng H đã phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[3] Như vậy, bản Cáo trạng số 140/CT-VKSHP-P1 ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Phùng Thị S và Nguyễn Hồng H về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo Phùng Thị S và Nguyễn Hồng H là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hóa đơn, chứng từ và thuế, xâm phạm đến lợi ích quốc gia về kinh tế và làm suy giảm Ngân sách Nhà nước. Vì vậy cần có một hình phạt phù hợp với tính chất vụ án để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính; bị cáo S đầu thú; có bố chồng là liệt sỹ đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và tình tiết giảm nhẹ khác, quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[6] Về hình phạt:

[6.1] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội tuy nhiên bị cáo Phùng Thị S là người thực hiện và chỉ đạo bị cáo H thực hiện mua bán trái phép hoá đơn nên giữ vai trò chính; bị cáo Nguyễn Hồng H là kế toán, làm việc theo sự chỉ đạo của S nên đồng phạm với vai trò giúp sức do vậy bị cáo S phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H.

[6.2] Xét thấy các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, có đề nghị được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và đã nộp tiền tại cơ quan thi hành án để chứng minh có khả năng thi hành hình phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung và thu hồi tài sản cho nhà nước. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào vai trò của từng bị cáo để áp mức hình phạt phù hợp thể hiện sự công bằng của pháp luật.

[6.3] Các bị cáo bị xem xét áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 100.000.000 đồng gia đình các bị cáo đã tự nguyện nộp thay vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H trong đó có 99.927.381 đồng là số tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước; số tiền thừa còn lại các bị cáo tự nguyện sung ngân sách nhà nước nên chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 CPU màu đen cũ, đã qua sử dụng, nhãn KENOO thu giữ tại Khách sạn T11; 01 Iphone 14 Promax màu tím, đã qua sử dụng, số IMEI: 353751259856194, 01 Iphone 16 Promax màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 357435932049627 là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước.

[10] Về các vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Văn N- Giám đốc, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1- Nhân viên kinh doanh và Vũ Thị Hoài T2, Nguyễn Phương T3 -Nhân viên kế toán làm việc tại Công ty T4 không được bàn bạc, trao đổi việc mua bán trái phép, nâng khống giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với anh Vũ Văn S4- Đội phó kỹ thuật Điện lực khu vực C thuộc công ty Đ2 có hành vi mua trái phép hóa đơn của công ty T4 về hợp thức hóa số tiền anh S4 thực tế đã chi trả để thanh toán với Công ty Đ2, không được hưởng lợi gì nên hành vi của anh S4 không cấu thành tội phạm.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân mua, đề nghị nâng khống giá trị hàng hóa ghi trên 90 số hóa đơn của công ty T4, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC03) Công

an thành phố H đã ra văn bản gửi Cục T12 - Bộ T13 đơn đốc, kiểm tra và xử lý theo quy định pháp luật về thuế đối với các cá nhân, tổ chức này.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Phùng Thị S và bị cáo Nguyễn Hồng H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo S và bị cáo H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phùng Thị S và bị cáo Nguyễn Hồng H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Xử phạt bị cáo Phùng Thị S 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đối với bị cáo Phùng Thị S và Nguyễn Hồng H;

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 100.000.000 đồng các bị cáo đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, đang được quản lý tại số tài khoản 39490904340200000 của Phòng CSĐTTP về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu môi trường – Công an thành phố H tại Kho bạc Nhà nước thành phố H (là số tiền thu lợi bất chính và số tiền mà các bị cáo tự nguyện sung ngân sách Nhà nước).

2.2. Tiếp tục tạm giữ số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng bị cáo Phùng Thị S đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002320 ngày 08/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để bảo đảm việc thi hành hình phạt.

2.3. Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng bị cáo Nguyễn Hồng H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002321 ngày 08/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để bảo đảm việc thi hành hình phạt.

2.4. Tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 CPU màu đen cũ đã qua sử dụng nhãn KENOO thu giữ tại khách sạn T11; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím, đã qua sử dụng, số Imei: 353751259856194 thu giữ của bị cáo Nguyễn Hồng H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax

màu vàng, đã qua sử dụng, số Imei: 357435932049627 thu giữ của bị cáo Phùng Thị S.

(Đặc điểm chi tiết được thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố H với Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phùng Thị S và bị cáo Nguyễn Hồng H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND Tối cao;
- TAND Tối cao;
- CQCSĐT Công an thành phố Hải Phòng;
- CQTHA hình sự;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hợp

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Vinh Hoàng Xuân Tín

Phạm Văn Hợp